

ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT CỦA NÔNG DÂN ĐBSCL THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

PTS. HOÀNG THỊ CHÍNH

Vừa qua, trong 3 ngày (23 - 25.8.1995) tại Đại học Cần Thơ đã diễn ra cuộc hội thảo với chủ đề "Phát triển những cơ cấu kinh tế nông nghiệp và hợp tác nông thôn cho nông dân ĐBSCL". Đây là kết quả của sự cộng tác giữa Hội nông dân trung ương, Đại học kinh tế TP.HCM, Đại học Cần Thơ và tổ chức tài trợ Hanns Seidel Foundation (CHLB Đức). Ngoài số đại biểu của các tỉnh, còn có sự tham gia của các chuyên gia nông nghiệp Thái Lan và của FAO. Dưới đây là một số nhận xét cơ bản được rút ra từ cuộc hội thảo trên.

Với diện tích tự nhiên là 3,960 triệu ha, chiếm 12% diện tích cả nước và dân số là 15,8 triệu người, chiếm 21,6% dân số cả nước, đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có một vị trí quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, cung cấp 5% sản lượng lúa toàn quốc, từ năm 1988 đến 1994 đã xuất khẩu 9,44 triệu tấn gạo, chiếm 70 - 80% lượng thực hàng hóa của cả nước.

TỪ THỰC TẾ CUỘC SỐNG

Mặc dù vậy, đại bộ phận nông dân ĐBSCL có mức sống rất thấp, cả vật chất lẫn tinh thần. Tỷ lệ số hộ nghèo chiếm khoảng 50%, trong số đó, hơn 20% là quá nghèo, mức thu nhập bình quân một nhân khẩu chỉ có 40.000đ/tháng hay gần 500.000đ/năm. Nguyên nhân dẫn đến cái nghèo là đông con. Bình quân 1 hộ ở ĐBSCL đã là 5,4 nhân khẩu (trong khi bình quân chung cả nước là 4,9) mà hộ nghèo còn lên đến 6,4 nhân khẩu. Có 90% số hộ nông dân nghèo cho biết mình thiếu vốn sản xuất; 20 - 25% số hộ nghèo thiếu kinh nghiệm làm ăn. Ngoài ra, đất đai canh tác lại ít, bằng 1/3 mức bình quân của hộ giàu, muốn khá lên phải "bứt" ra khỏi trồng trọt, mở rộng chăn nuôi và các ngành nghề khác. Muốn vậy phải có vốn, có kinh nghiệm làm ăn mà các hộ nghèo lại không có. Sự nghèo đói diễn ra theo một cái vòng luẩn quẩn: nghèo - không đủ năng lực

30 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

sản xuất (kể cả tri thức) - năng suất thấp - thu nhập kém - nghèo. Không ít các hộ nghèo (chiếm 8%) có người đi ở mướn; 9,16% số hộ nghèo phải bán lúa non sống qua ngày.

Đời sống văn hóa, giáo dục và chăm sóc sức khỏe của nông dân ĐBSCL còn quá thấp, thậm chí ở nhiều chỉ tiêu chỉ tương đương với Tây Nguyên và vùng núi phía Bắc. Thí dụ, số người ốm đau ở ĐBSCL chiếm 69,6%, trong khi đó tính chung 7 vùng là 66,2% và ở đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) chỉ có 61,2%; tỷ lệ trẻ em đến trường ở độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo chỉ bằng 20 - 30% so với mức bình quân chung của cả nước và càng thấp hơn so với ĐBSH; tỷ lệ dân cư có trình độ trung học, cao đẳng, đại học chỉ bằng khoảng hơn 1/2 so với mức bình quân chung của cả nước.

Mặc dù mức thu nhập bình quân 1 hộ ở ĐBSCL cao hơn so với cả nước là 23,9% và trong cơ cấu chi tiêu thì chỉ về giáo dục, chữa bệnh nhiều hơn so với các vùng khác nhưng tình hình sức khỏe và trình độ dân trí lại thấp hơn như nêu trên, chứng tỏ đầu tư của nhà nước vào các lĩnh vực này chưa cao, người nông dân tự lo là chính, cho đến nay trình độ dân trí và tay nghề vẫn còn ở mức rất thấp, không thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của cuộc sống, nhất là chúng ta đang thực hiện chiến lược công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Do đó, nâng cao trình độ dân trí cho nông dân ĐBSCL cần phải được đặt ra như một mục tiêu hàng đầu.

ĐẾN TRÌNH HÌNH SẢN XUẤT

Nếu xét về trình độ sản xuất nông nghiệp thì ĐBSCL được xếp vào loại cao hơn so với các vùng khác, cụ thể mức độ đầu tư cho thâm canh cao hơn, 1 ha trồng lúa được đầu tư 2,1 - 2,3 triệu đồng, gấp 2,25 lần so với mức bình quân chung của cả nước và gấp 3,2 lần so với ĐBSH. Mức độ sử dụng cơ giới cũng cao gấp 1,5 lần so với mức bình quân chung của cả nước và gấp 1,74 lần so với ĐBSH. Sử dụng nhiều lao động thuê mướn và tính chất sản xuất hàng hóa cao hơn (Tỷ suất thóc hàng hóa của các nông hộ ĐBSCL đạt bình quân là 38,3%, cao gấp 2,43 lần so với mức bình quân

chung của cả nước và 2,88 lần so với ĐBSH). Và hiệu quả sản xuất cũng cao hơn, thu nhập bình quân 1 ha canh tác lúa từ 2,5 - 2,7 triệu đồng, giá trị một ngày công từ 22.700 - 24.500 đồng và lương thực bình quân đầu người là 884 kg thóc, gấp 1,98 lần so với mức bình quân chung của cả nước và gấp 2,12 lần so với ĐBSH.

Hệ thống dịch vụ cho nông nghiệp ở ĐBSCL trong mấy năm qua, từ khi đổi mới cơ chế quản lý đã có những bước phát triển khá. Ngân hàng nông nghiệp có chi nhánh ở hầu hết các huyện. Riêng năm 1994, 1,339 triệu hộ nông dân đã được vay vốn với số tiền là 2.490 tỷ đồng, bình quân mỗi hộ được vay hơn 1,8 triệu đồng, khá cao so với bình quân chung của cả nước (1,5 triệu đồng). Tuy nhiên, lợi ích tín dụng của nhà nước vẫn chưa đến được với nhiều hộ, nhất là các hộ nghèo do đòi hỏi thế chấp. Hình thức vay chủ yếu là ngắn hạn, không phù hợp với sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, thủ tục còn rườm rà nhiều khi cũng làm cản trở người nông dân vay vốn. Bên cạnh đó, có không ít các hộ vay được vốn rồi nhưng không đầu tư cho sản xuất mà sử dụng vào các mục đích khác, thậm chí chi vào các việc chưa cần thiết, lãng phí. Chính những đối tượng này mới đây đưa trả nợ, làm mất uy tín đối với ngân hàng, vì đa phần các hộ dùng đồng tiền vay được để đầu tư cho sản xuất, làm ăn chân chính lại luôn cố gắng trả đúng hạn. Ở nhiều địa phương, 100% số hộ không hề nợ ngân hàng.

Hệ thống cung ứng vật tư ở ĐBSCL đã có nhiều thay đổi theo hướng thương mại hóa. Với các đại lý tư nhân phát triển mạnh ở khắp nơi trong vùng, các hộ nông dân có thể chủ động được vật tư cho sản xuất với giá cả thấp hơn của quốc doanh vì ở đây chi phí vận chuyển và quản lý thường cao hơn. Tuy nhiên, trong thời gian qua, do quản lý nhập khẩu vật tư không chặt chẽ và thống nhất nên nhiều lúc giá vật tư đã lên quá cao, làm cho người nông dân gặp nhiều khó khăn, thậm chí có khi số lúa thu hoặc được đem bán ra chưa đủ để trả nợ tiền mua sắm vật tư.

Công tác khuyến nông là rất quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp. Có tiền thân từ những thuật ngữ "chuyển giao kỹ thuật", "đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật đến tận tay người nông dân", nhưng với nội dung đầy đủ hơn, toàn diện hơn, "khuyến nông" đã thực sự trở thành từ ngữ quen thuộc của nông dân ĐBSCL trong mấy năm qua. Các trung tâm khuyến nông cấp tỉnh, cấp huyện đã mọc lên ở mọi nơi. Nhờ làm tốt công tác khuyến nông mà năng suất, sản lượng gia tăng đáng kể, điển hình là

tỉnh An Giang, năm 1994 đã đạt sản lượng lương thực hơn 2 triệu tấn quy thóc và bình quân đầu người trên 1.000 kg. Tuy nhiên, ở nhiều địa phương hoạt động khuyến nông còn mang tính tự phát hoặc lựa chọn các phương pháp không thích hợp với điều kiện cụ thể của mình, dẫn đến hiệu quả chưa cao. Ở nhiều nơi, nội dung của khuyến nông vẫn chỉ nhằm vào giải quyết các khâu kỹ thuật trong sản xuất, còn trong chế biến và tiêu thụ sản phẩm chưa được chú ý. Ngoài ra, sự kết hợp thương mại hóa trong khuyến nông đôi khi đã làm tổn hại đến môi sinh và quyền lợi của người nông dân.

Từ sau khi nghị quyết 10 của Bộ chính trị ra đời, hộ nông dân là một đơn vị kinh tế độc lập tự chủ. Do nhận thức sai lầm về hợp tác hóa, về tổ chức, điều hành sản xuất và phân phối sản phẩm trong các đơn vị sản xuất tập thể mà các HTX, TĐSX đã tan rã ở hầu hết các địa phương. Làm ăn riêng lẻ, người nông dân được tự do kinh doanh, lựa chọn phương thức sản xuất, tìm thị trường tiêu thụ và mua sắm vật tư. Nhờ chủ động sản xuất kinh doanh, cùng với niềm phấn khởi là năng lực sản xuất được giải phóng mà sản xuất nông hộ ở ĐBSCL đã phát triển khá trong những năm qua, nhất là những hộ thuộc tầng lớp trung nông trước đây, vốn có năng lực sản xuất và có nhiều kinh nghiệm. Nhưng từ khi được làm ăn riêng lẻ, người nông dân cũng bị mất nhiều thứ. Đó là mất đi tinh thần đoàn kết, tương trợ trong sản xuất, trong đời sống, tạo ra một sự cạnh tranh không lành mạnh, dẫn đến phân hóa giàu nghèo ở nông thôn; mất khả năng đầu tư cho sản xuất lớn và áp dụng những tiến bộ kỹ thuật; mất đi sức mạnh của cộng đồng, người nông dân bị chèn ép nhiều mặt; mất đi khả năng tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội... Thực tế ở nhiều tỉnh cho thấy, từ khi tan rã HTX, TĐSX, nhiều hộ nông dân, nhất là những hộ nghèo, gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh vì không đủ sức để lo các khâu dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm. Do đó, nhu cầu hợp tác đã và đang xuất hiện khá rõ ở nông thôn đồng bằng hiện nay.

VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP

Từ những phân tích thực trạng trên đây, để nâng cao mức sống và trình độ sản xuất của nông dân ĐBSCL cho phù hợp với những yêu cầu mới, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

1. Các giải pháp xã hội

Giải pháp phải được đặt lên vị trí hàng đầu là kiên quyết hạ thấp mức độ tăng trưởng dân số, vì đây đang là áp lực lớn hiện nay đối với

ĐBSCL. Chính dân số tăng lên quá cao với khả năng kinh tế có hạn đang cản trở bước tiến kinh tế - xã hội ở nông thôn, làm cho một bộ phận nông dân đã nghèo lại càng thêm nghèo. Để làm được điều này, đòi hỏi các cơ quan chức năng phải được đầu tư thỏa đáng cả về con người lẫn tiền bạc. Các cuộc vận động, phổ biến phương pháp kế hoạch hóa gia đình phải được triển khai ngay ở các vùng sâu, vùng xa vốn là nơi có mức tăng trưởng dân số cao nhất.

Vấn đề chăm sóc sức khỏe, giáo dục, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho cộng đồng phải được sự quan tâm sâu sắc của chính phủ, giới lãnh đạo địa phương và các cơ quan ban ngành. Phải có chính sách ưu đãi hơn đối với học sinh, sinh viên ở những vùng sâu, vùng xa, ở những gia đình nông dân quá nghèo trong các kỳ thi tuyển. Theo kinh nghiệm của Thái Lan, các hộ nông dân nghèo được phân loại theo từng vùng để gia tăng cơ hội thụ hưởng các dịch vụ của chính phủ. Ngoài ra, phải có những biện pháp kinh tế hấp dẫn hơn để thu hút được nhiều cán bộ y tế, văn hóa, giáo dục về hoạt động ở nông thôn. Các giải pháp xã hội chỉ có thể thực hiện được khi có sự kết hợp đồng bộ giữa nhà nước, địa phương và nông dân.

2. Các giải pháp kinh tế - kỹ thuật

Tiếp tục phát triển mạng lưới khuyến nông xuống tận các xã. Tùy vào điều kiện cụ thể của địa phương mà triển khai thực hiện chương trình phát triển nông thôn, bao gồm 7 bước như Tuyên Quang đang làm. Khuyến nông phải được phát triển toàn diện hơn, chẳng những phổ biến cho nông dân kỹ thuật sản xuất, cách thức chế biến sản phẩm mà còn trang bị cho họ những kiến thức trong đời sống gia đình và xã hội. Làm tốt công tác khuyến nông cũng là một cách giúp người nghèo vươn lên.

Tin dụng nông thôn phải được coi là một trong những biện pháp tạo vốn quan trọng cho nông dân. Ngân hàng nông nghiệp cần thay đổi phương thức cho vay theo hướng gia tăng các hình thức vay trung hạn và dài hạn. Không đặt nặng vấn đề thế chấp, đơn giản hóa thủ tục cho vay. Nên phân loại các hộ nghèo để cho vay. Với các hộ quá nghèo có thể không cần tính lãi. Cần sớm triển khai quyết định mới đây của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập ngân hàng cho người nghèo để tiền sớm đến tay nông dân nghèo ĐBSCL.

Sự đóng góp của vùng đối với nền kinh tế của nước là rất lớn, nhưng sự thụ hưởng từ đầu tư trở lại của nhà nước đối với vùng là chưa cao, chưa tương xứng với sự đóng góp đó. Do vậy, các chính sách kinh tế - xã hội cần được xem xét lại theo hướng đầu

tư cho vùng nhiều hơn nữa, nhất là đầu tư cho cơ sở hạ tầng và hệ thống y tế - văn hóa - giáo dục. Ít nhất cũng cần phải tính toán lại tỷ lệ trích từ thu nhập của kinh tế vùng cho vùng nhiều hơn. Bên cạnh đó, phải có chính sách trợ giá nông sản, trợ cấp các hộ nghèo, khuyến khích chăn nuôi, các ngành nghề và dịch vụ để thay đổi cơ cấu sản xuất...

3. Thúc đẩy quá trình hợp tác ở nông thôn

Để khẳng định được chỗ đứng của mình, để tập trung sức mạnh đối phó với thiên tai, với những diễn biến phức tạp trong thị trường, giải quyết những nhu cầu về đời sống vật chất, văn hóa và xã hội... các hộ nông dân cần phải liên kết lại dưới những hình thức hợp tác khác nhau. Tuy nhiên việc xây dựng các HTX lần này phải có nội dung hoàn toàn khác trước, triệt để thực hiện nguyên tắc tự nguyện. Chỉ tổ chức ra các HTX ở nơi thực sự có nhu cầu. Tuyệt đối không áp đặt, không nóng vội. Bước đi có thể từ thấp đến cao, hợp tác sẽ rất đa dạng, chẳng những trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm mà còn trong các hoạt động xã hội ở nông thôn. Tên gọi có thể cũng rất khác nhau, không nhất thiết phải gọi là *hợp tác xã*. Có thể hình dung mô hình "làng cộng đồng" (Community village) mà tổ chức Hanns Seidel Foundation sẽ chuyển giao cho VN (dự định sẽ xây dựng một làng thí điểm cho ĐBSCL) vào năm 1996, là một hình thức hợp tác khá toàn diện. Trong đó các nông dân tự nguyện gia nhập để phát triển kinh tế, xã hội và hiện đại hóa nông thôn. Hoạt động của "làng cộng đồng" bao gồm cung cấp tín dụng, khuyến nông, hỗ trợ khoa học kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm và bảo đảm các dịch vụ văn hóa xã hội và môi trường cho nông dân.

Rõ ràng, hợp tác đang là nhu cầu bức xúc của nông dân ĐBSCL. Thông qua các hình thức hợp tác, các hộ nghèo sẽ giàu lên các hộ giàu lại càng có điều kiện giàu hơn nhờ được tập trung sức mạnh. Trên tinh thần đó nhà nước cần sớm ban hành luật HTX, nhằm đảm bảo cho người nông dân có một cơ sở pháp lý khi tham gia vào các hình thức hợp tác.

Với vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của cả nước, nông nghiệp và nông thôn ĐBSCL phải có những thay đổi lớn về chất, nhằm đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Đây là một thử thách rất lớn, đòi hỏi sự cố gắng và quyết tâm cao độ chẳng những của mỗi người dân ĐBSCL mà còn của chính phủ, các cơ quan ban ngành có liên quan trong cả nước.